

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Minh Huệ

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Trần Thu Phương

Ông Nguyễn Ngọc Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 348/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 17 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Hải L, sinh năm 1987; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu A thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội; Và nơi ở: Phòng 1916 tòa B chung cư IA20, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Vũ Văn X (chết) và bà: Lương Thị H; Vợ: Phạm Thị Thùy V, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: 27/5/2024 (có mặt).

Bị hại: 1/ Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988; Nơi ở: Xóm B, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

2/ Anh Hoàng Công S, sinh năm 1987; Nơi ở: Xóm B, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

3/ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; Nơi ở: Xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

4/ Anh Phạm Quang T1, sinh năm 1987; Nơi ở: Xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

5/ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; Nơi ở: Xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

6/ Anh Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1974; Nơi ở: Xóm A, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

7/ Anh Dương Quyết T3, sinh năm 2000; Nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

8/Chị Nguyễn Thu H2, sinh năm 1984; Nơi ở: Số C Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội (vắng mặt).

9/Anh Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1993; Nơi ở: KP10, phường H, TP Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

10/Anh Đinh Mạnh H3, sinh năm 1987; Nơi ở: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

11/Anh Nguyễn Thăng L1, sinh năm 1977; Nơi ở: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

12/Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1978; Nơi ở: Khối L, phường H, T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

13/Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1988; Nơi ở: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

14/Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1985; Nơi ở: Đ, thôn V, xã T, huyện C, Hà Nội (vắng mặt).

15/Anh Phạm Văn H4, sinh năm 1985; Nơi ở: Khu B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

16/Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; Nơi ở: Xoma Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

17/Anh Trần Đức T6, sinh năm 1987; Nơi ở: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

18/Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1987; Nơi ở: P, tòa G, xã A, huyện H, Hà Nội (vắng mặt).

19/Anh Nguyễn Quốc H5, sinh năm 1993; Nơi ở: Khu G, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

20/Anh Phùng Văn Q1, sinh năm 1993; Nơi ở: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

21/Anh Nguyễn Mạnh H6, sinh năm 1997; Nơi ở: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

22/Chị Đoàn Thị M1, sinh năm 1987; Nơi ở: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nước ngoài nên anh Nguyễn Văn T4 (SN 1988; HKTT: xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương) và một số người lao động khác đến Công ty cổ phần D do Vũ Hải L là Giám đốc (địa chỉ: Tầng A tòa nhà V, số C Cầu D, phường P, quận B, TP Hà Nội) ký hợp đồng đi Ailen. Tại đây,

L cam kết trong thời gian từ 03 tháng – 06 tháng sẽ hoàn thiện thủ tục để anh T4 có thể đi nước ngoài, nếu không thì công ty sẽ trả lại hồ sơ và toàn bộ số tiền đặt cọc. Tuy nhiên, sau đó các lao động không đi nước ngoài được, L cũng không trả

lại tiền nên anh T4 và những người lao động khác đã đến Công an quận B, thành phố Hà Nội trình báo.

Quá trình điều tra xác định:

Tháng 4/2019, Vũ Hải L thành lập công ty cổ phần D địa chỉ tại tầng A tòa nhà I số C đường C, phường P, quận B, thành phố Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực môi giới việc làm, cung ứng và quản lý lao động. Vũ Hải L nhờ em trai là Vũ Hải T7 (SN 1988; HKTT: Khu A thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội) đứng tên Giám đốc công ty, người đại diện theo pháp luật nhưng thực tế mọi hoạt động điều hành công ty do Vũ Hải L đảm nhận với chức danh Phó Giám đốc. Mặc dù công ty chưa được cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, không hợp tác với đơn vị nào có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, bản thân L cũng chưa từng đưa được người lao động nào đi xuất khẩu lao động tại A nhưng vẫn thông qua nhân viên công ty và cộng tác viên thông báo tuyển dụng người lao động.

Từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2021, Vũ Hải L thỏa thuận với các cộng tác viên và nhân viên công ty là Trần Đức T6 (SN 1987; HKTT: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương); Phạm Văn Đ1 (SN 1987; HKTT: P2902A, tòa G, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội); Nguyễn Quốc H5 (SN 1993; HKTT: khu G thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ); Phùng Văn Q1 (SN 1993; HKTT: thôn C xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương); Nguyễn Mạnh H6 (SN 1997; HKTT: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam); Đoàn Thị M1 (SN 1987; HKTT: thôn C xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương) giới thiệu chương trình đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa A, L cam kết với người lao động sẽ được đi xuất khẩu lao động trong thời gian 04 – 06 tháng kể từ khi nộp tiền. Thông qua các cộng tác viên, L nhận tiền và hồ sơ của những người lao động nhưng L không thực hiện bất kỳ thủ tục nào cho người lao động mà chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

#### 1. Cộng tác viên Trần Đức T6:

Anh Trần Đức T6 là bạn cùng quê với Vũ Hải L, không có hợp đồng lao động với Công ty cổ phần D. Khoảng đầu năm 2020, anh T6 được L gửi một thông báo tuyển dụng bằng chữ nước ngoài về việc cần tuyển lao động đi làm việc tại Cộng hòa A với các công việc như thợ rửa máy động cơ Diesel, thợ vận hành máy trải nhựa, công nhân trải nhựa đường, đốc công, với nam giới độ tuổi từ 22-45 tuổi. L và anh T6 thỏa thuận anh T6 sẽ tìm, giới thiệu lao động cho L, mỗi người lao động sẽ thu 27.000.000 đồng tiền cọc, khi nào có visa, vé máy bay sẽ thu thêm 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Mỗi trường hợp đi xuất khẩu lao động thành công T6 sẽ được hưởng hoa hồng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. T6 đăng tin tuyển dụng lao động trên mạng xã hội facebook thì có 04 người lao động liên hệ với T6, cụ thể:

- Anh Nguyễn Văn H1 (SN 1988; HKTT: xóm B, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An): ngày 29/10/2020, anh H1 được anh Trần Đức T6 tư vấn đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A làm thợ cơ khí với mức lương khoảng 60.000.000 đồng. Anh H1 nộp hộ chiếu, lý lịch tư pháp, giấy khám sức khỏe, căn cước công dân và hộ

khẩu bản photo công chứng và số tiền 60.000.000 đồng cho T6. T6 chuyển cho Vũ Hải L 45.000.000 đồng, còn số tiền 15.000.000 đồng T6 giữ lại để khi nào có visa sẽ nộp tiếp. Tuy nhiên anh H1 không đi được Ailen như cam kết, sau đó anh H1 đã tự làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Uzbekistan. Đến nay, gia đình L đã trả cho T6 45.000.000 đồng, T6 đã trả cho anh H1 số tiền 60.000.000 đồng, gia đình anh H1 không có yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

- Anh Hoàng Công S (SN 1987; HKTT: xóm B, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An) được anh Trần Đức T6 tư vấn đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A. Anh S nộp cho T6 hồ sơ và 43.000.000 đồng, T6 đưa hồ sơ cho Vũ Hải L còn số tiền 43.000.000 đồng T6 tạm giữ đợi khi nào có visa thì sẽ chuyển tiền cho L. Tuy nhiên, anh S không đi được Ailen như cam kết, sau đó anh S đã tự làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Hungary. Đến nay, T6 đã trả cho gia đình anh S số tiền 43.000.000 đồng, gia đình anh S không có yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

- Anh Phạm Văn T (SN 1982) và anh Phạm Quang T1 (SN 1987; cùng HKTT: xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An) – em trai anh T: tháng 11/2020, anh T và anh T1 được anh Trần Đức T6 tư vấn đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A và thu số tiền 106.000.000 đồng. T6 đưa hồ sơ cho Vũ Hải L còn số tiền 106.000.000 đồng T6 tạm giữ đợi khi nào có visa thì sẽ chuyển tiền cho L. Tuy nhiên, anh T và anh T1 không đi được Ailen như cam kết nên đã tự làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Hungary. Đến nay, T6 đã trả cho gia đình anh T, anh T1 số tiền 106.000.000 đồng, gia đình anh T, anh T1 không có yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

## 2. Cộng tác viên Phạm Văn Đ1:

Anh Phạm Văn Đ1 là cộng tác viên cho công ty cổ phần D của Vũ Hải L từ khoảng đầu năm 2020. L và anh Đ1 thỏa thuận Đ1 sẽ tìm, giới thiệu người lao động cho L, Đ1 sẽ thu hồ sơ và tiền của người lao động và nộp lại cho L. Mỗi trường hợp đi xuất khẩu lao động thành công thì Đ1 sẽ được hưởng tiền hoa hồng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Anh Đ1 đã thu hồ sơ và tiền của 05 người lao động, cụ thể:

- Anh Nguyễn Văn N (SN 1988; HKTT: xóm G xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An): khoảng tháng 12/2020, anh Đ1 tư vấn cho anh N về đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A làm công việc thợ hàn. Anh N đến công ty G Vũ Hải L để phỏng vấn. Ngày 07/01/2021, Đ1 thu hồ sơ và số tiền 40.000.000 đồng của anh N. Sau đó, L thông báo anh N sắp có visa và bảo Đ1 thu thêm tiền nên Đ1 thu của anh N 80.000.000 đồng, tổng 120.000.000 đồng. Anh Đ1 nộp lại cho Vũ Hải L 45.000.000 đồng và giữ lại 75.000.000 đồng để đợi khi nào anh N có visa thì đóng tiếp. Tuy nhiên, sau 04 tháng, anh N không đi xuất khẩu lao động được nên Đ1 đã trả cho anh N số tiền 30.000.000 đồng, L trả cho anh N số tiền 9.000.000 đồng. Đến nay gia đình L đã trả cho anh N số tiền 81.000.000 đồng còn lại. Anh N đã nhận lại đủ tiền nên không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

- Anh Dương Quyết T3 (SN 2000; HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình): khoảng tháng 3/2021, anh T3 liên hệ với Đ1 để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại A làm công việc xây dựng. Anh T3 đã nộp hồ sơ và số tiền 46.000.000 đồng cho Đ1 để tham gia đơn hàng. Đ1 chuyển cho L 27.000.000 đồng để làm thủ tục, còn số tiền 19.000.000 đồng Đ1 giữ lại để đợi L làm xong visa thì đóng tiếp. Tuy nhiên sau đó anh T3 không đi xuất khẩu lao động được. Đến nay, Đ1 và gia đình L đã trả cho anh T3 toàn bộ số tiền 46.000.000 đồng. Anh T3 không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L

- Anh Nguyễn Khắc T2 (SN 1974; HKTT: xóm A xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An) là bạn bè với anh Phạm Văn Đ1 nên Đ1 có giới thiệu cho anh T2 về đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A. Tháng 02/2021, anh T2 nhờ Đ1 làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động cho 03 người gồm anh Phạm Văn C (SN 1975; HKTT: xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An), anh Bùi Ngọc T8 (SN 1982; HKTT: khối B phường Đ, TP V, tỉnh Nghệ An), chị Nguyễn Thị H7 (SN 1996; HKTT: xóm E, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An). Anh T2 đã tự ứng số tiền 103.000.000 đồng chuyển khoản vào số tài khoản 12410001481293 ngân hàng BIDV mang tên Phạm Văn Đ1 và nộp hồ sơ để làm thủ tục cho 03 người lao động trên. Anh Đ1 nộp cho Vũ Hải L 27.000.000 đồng/01 người, tổng 81.000.000 đồng, còn 22.000.000 đồng anh Đ1 giữ lại để khi nào các lao động có visa thì nộp tiếp. Tuy nhiên sau đó những người lao động trên không đi xuất khẩu lao động được như cam kết, anh Đ1 trả lại cho anh T2 số tiền 22.000.000 đồng, gia đình L đã trả 81.000.000 đồng. Anh T2 đã nhận lại toàn bộ tiền nên không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

### 3. Cộng tác viên Nguyễn Quốc H5:

Anh H5 là cộng tác viên của Công ty cổ phần D từ tháng 8/2021 đến tháng 3/2022 nhưng không ký hợp đồng lao động. Anh H5 có nhiệm vụ tìm, tuyển sinh người lao động qua mạng xã hội và tư vấn cho người lao động về đơn hàng. Mỗi trường hợp xuất khẩu lao động thành công, anh H5 sẽ được hưởng 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tiền công. Khoảng tháng 8 đến tháng 9/2021, anh H5 tư vấn cho 03 người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại A là chị Nguyễn Thu H2 (SN 1984; HKTT: số C Đ, phường Đ, quận H, TP Hà Nội); anh Nguyễn Đăng Q (SN 1993; HKTT: KP10, phường H, TP Q, tỉnh Bình Định); anh Đinh Mạnh H3 (SN 1987; HKTT: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh). Mỗi người lao động nộp cho anh H5 số tiền 27.000.000 đồng, anh H5 đã chuyển khoản 81.000.000 đồng vào số tài khoản 0090118886886 tại Ngân hàng M2 mang tên Vũ Hải L. L cam kết sẽ được xuất cảnh trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng, nếu quá 06 tháng không xuất cảnh được thì L sẽ trả lại hồ sơ và tiền. Tuy nhiên, sau đó các lao động như cam kết nên anh H5 đã tự ứng tiền trả cho các lao động. Đến nay gia đình L đã trả cho H5 số tiền 81.000.000 đồng, 03 lao động không có yêu cầu, đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

### 4. Cộng tác viên Phùng Văn Q1:

Khoảng cuối năm 2020, anh Q1 được Vũ Hải L gửi hai thông báo tuyển dụng bằng tiếng việt về việc đang cần tuyển lao động đi làm việc tại A và bảo Q1 tìm lao động cho L, mỗi trường hợp đi xuất khẩu lao động thành công, anh Q1 sẽ

được hưởng 1.500 USD. Anh Q1 đăng tin tuyển dụng lao động trên mạng xã hội thì có 02 lao động liên hệ để làm thủ tục xuất khẩu lao động, cụ thể:

- Anh Nguyễn Thăng L1 (SN 1977; HKTT: thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương): Khoảng tháng 12/2020, Q1 tư vấn cho anh Thăng L1 về công việc sửa chữa máy móc với mức lương khoảng 72.000.000 đồng/01 tháng. Anh Nguyễn Thăng L1 nộp cho Q1 hồ sơ và số tiền 46.320.000 đồng để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại A. Q1 chuyển hồ sơ và số tiền 20.000.000 đồng cho Vũ Hải L, và giữ lại số tiền 26.320.000 đồng để khi nào có visa sẽ nộp tiếp. Vũ Hải L cam kết đến tháng 3/2021 sẽ được đi xuất khẩu lao động, tuy nhiên sau đó anh Nguyễn Thăng L1 chưa đi được A như cam kết. Đến nay, anh Q1 đã trả lại số tiền 26.320.000 đồng, Vũ Hải L đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thăng L1 đã nhận lại tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Anh Hoàng Văn M (SN 1978; HKTT: khối L, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An): Tháng 4/2021, anh M được Q1 tư vấn đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A với công việc công nhân rải đường nhựa với mức lương khoảng 50.000.000 đồng/01 tháng. Anh M nộp cho Q1 5.000.000 đồng tiền cọc để tham gia đơn hàng, Q1 chuyển cho Vũ Hải L. Sau đó, anh M tiếp tục nộp thêm cho L 46.000.000 đồng. L cam kết trong thời gian 06 tháng từ ngày ký hợp đồng sẽ hoàn thiện thủ tục cho anh M đi xuất khẩu lao động tại A, tuy nhiên sau đó anh M không đi xuất khẩu lao động được và L cũng không trả lại tiền cho anh M. Đến nay, gia đình L đã trả cho anh M toàn bộ số tiền, anh M không có yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

#### 5. Nguyễn Mạnh H6 – Nhân viên công ty:

Anh H6 được Vũ Hải L tuyển vào làm việc tại Công ty cổ phần D nhưng không ký hợp đồng lao động từ khoảng cuối năm 2020 đến cuối năm 2021. L thỏa thuận mỗi trường hợp anh H6 tuyển dụng được thì sẽ được cộng vào lương của H6 thêm 500.000 đồng, nếu người lao động đóng tiền

đầy đủ và có visa đi xuất khẩu lao động thì H6 sẽ được hưởng hoa hồng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Anh H6 đã tư vấn cho 03 người lao động, cụ thể:

- Anh Nguyễn Văn T4 (SN 1988; HKTT: xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương): khoảng tháng 11/2021, H6 tư vấn cho anh T4 đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A với công việc trồng nấm. Anh T4 đồng ý và nộp cho L số tiền 27.000.000 đồng, L cam kết từ 06 - 08 tháng anh T4 sẽ được đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên đến nay anh T4 vẫn chưa đi được như cam kết, L đã trả lại cho anh T4 số tiền 27.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T5 (SN 1985; HKTT: Đội 13 thôn V, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội): khoảng tháng 11/2021, H6 giới thiệu cho anh T5 đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A với đơn hàng làm công việc chế biến thịt. Anh T5 đồng ý tham gia đơn hàng, nộp hồ sơ và số tiền 27.000.000 đồng cho Vũ Hải L. L cam kết trong vòng 06 tháng sẽ được đi xuất khẩu lao động, tuy nhiên sau đó anh T5 không đi được như cam kết. Đến nay gia đình Vũ Hải L đã khắc phục cho anh T5 số tiền

27.000.000 đồng, anh T5 không có yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L.

- Anh Phạm Văn H4 (SN 1985; HKTT: khu B, phường H, Đ, Hải Phòng): khoảng tháng 12/2021, anh H4 liên hệ với H6 tư vấn đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại A với công việc trồng nấm. Tuy nhiên sau đó anh H4 tìm hiểu thì không đi xuất khẩu lao động nữa.

#### 6. Đoàn Thị M1 – Nhân viên công ty:

Tháng 5/2020, chị M1 được Vũ Hải L nhận vào làm việc tại Công ty cổ phần D. Khoảng tháng 12/2021, Vũ Hải L đưa thông tin của anh Nguyễn Văn Đ (SN 1983; HKTT: xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) cho M1 để M1 tư vấn thủ tục xuất khẩu lao động qua điện thoại. Sau đó, anh Đ đến trụ sở công ty G tư vấn. Ngày 17/12/2021, anh Đ chuyển số tiền 27.000.000 đồng vào số tài khoản 19034328155012 tại ngân hàng T9 mang tên Đoàn Thị M1, sau đó M1 chuyển số tiền trên vào số tài khoản 0090118886886 tại ngân hàng M3 mang tên Vũ Hải L. L nhận tiền, viết phiếu thu cho anh Đ và cam kết trong vòng 06 tháng sẽ được đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên sau đó anh Đường K đi xuất khẩu lao động được. Gia đình L đã trả cho anh Đ số tiền 27.000.000 đồng, anh Đ không có yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Hải L

Xác minh tại Cục Q3 ngoài nước – Bộ L2, Thương binh và Xã hội cung cấp: "Công ty cổ phần D không có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Bộ L2 – Thương binh và Xã hội cấp".

Tại cơ quan điều tra, Vũ Hải L khai nhận toàn bộ hành vi như trên và khai: bản thân L và Công ty cổ phần D không được cấp phép đưa người lao động đi nước ngoài, không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài cũng như không hợp tác với đơn vị nào có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại A. L chưa từng giới thiệu được ai đi lao động tại A cũng như không biết về việc có đưa được người đi lao động tại Ailen hay không. Số tiền thu của những người lao động (tổng 431.000.000 đồng) L đã sử dụng để chi tiêu cá nhân, còn Công ty cổ phần D L đã chuyển nhượng cho người khác.

Đối với các cộng tác viên và nhân viên Công ty cổ phần D đã tin tưởng L có thể đưa người đi xuất khẩu lao động tại A, sau khi thu tiền của các bị hại thì đã chuyển toàn bộ hoặc một phần cho L. Sau khi L không đưa được người lao động đi xuất khẩu lao động tại A thì các cộng tác viên đã chủ động trả lại tiền cho người lao động. Do đó không có căn cứ xử lý các cộng tác viên về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Các cộng tác viên và gia đình bị can đã bồi thường toàn bộ số tiền cho các bị hại, do đó các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can.

Bản cáo trạng số 336/CT-VKS ngày 26/11/2024 Viện kiểm sát Quận B truy tố Vũ Hải L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Hải L theo Điểm a Khoản 3 Điều 174 bộ luật hình sự như cáo trạng số 336/CT-VKS ngày 26/11/2024 và đề nghị áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s,b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt: Vũ Hải L từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Hải L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các biên bản, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Những chứng cứ trên đây có đủ cơ sở xác định: Tháng 4/2019, Vũ Hải L thành lập Công ty cổ phần D, địa chỉ Tầng A tòa nhà I, số C đường C, phường P, quận B, thành phố Hà Nội để hoạt động môi giới việc làm, cung ứng và quản lý lao động. Mặc dù công ty chưa được cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, không hợp tác với đơn vị nào có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, bản thân L cũng chưa từng đưa được người lao động nào đi xuất khẩu lao động tại A nhưng vẫn thông qua nhân viên công ty và cộng tác viên thông báo tuyển dụng người lao động.

Từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2021 tại Văn phòng Công ty cổ phần D, phường P, quận B, thành phố Hà Nội, Vũ Hải L đã thu tiền của những người lao động tổng số tiền 431.000.000 đồng (gồm 100.000.000 đồng L trực tiếp thu của người lao động và 331.000.000 đồng các cộng tác viên chuyển cho L). Sau khi nhận tiền của những người lao động, L không thực hiện bất kỳ công việc gì mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo Vũ Hải L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thành lập công ty cổ phần D trong lĩnh vực môi giới việc làm, cung ứng và quản lý lao động. Công ty chưa được cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, không hợp tác với đơn vị nào có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, bản thân L cũng chưa từng đưa được người lao

động nào đi xuất khẩu lao động tại A nhưng vẫn thông qua nhân viên công ty và cộng tác viên thông báo tuyển dụng để thu tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo Vũ Hải L xâm phạm đến tài sản được luật hình bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần.
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh bị cáo khó khăn hiện đang nuôi con nhỏ 24 tháng tuổi. Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại, những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mẹ đẻ bị cáo được tặng huân huy chương kháng chiến. Vì vậy, cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điểm s,b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

[6] Về dân sự: Những người bị hại đã nhận được tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên Toà không xem xét giải quyết.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s,b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Hải L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Hải L 4 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2024.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bị hại (Nếu có);
- Người bào chữa (Nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Minh Huệ**